TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẮK MIL** **TỈNH ĐẮKNÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2019/HNGĐ-ST
Ngày 16/8/2019
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL, TỈNH ĐẮK NÔNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đình Minh

Các Hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Văn Đợi và ông Nguyễn Duy Chấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Huệ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tham gia phiên toà: Bà Lê Thu Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 79/2019/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2019 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2019/QĐXX-ST ngày 15 tháng 7 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số: 27/2019/QĐST-HNGĐ, ngày 31 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đào Thị D, sinh năm 1987; Địa chỉ: Thôn 3, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Việt T, sinh năm 1985; Địa chỉ: Thôn 3, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nội dung đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình làm việc tại Tòa án nguyên đơn chị Đào Thị D trình bày:

Chị và anh Nguyễn Việt T kết hôn năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Hôn nhân tự nguyện, tự do tìm hiểu, không bị ép buộc. Anh chị có 02 con chung là Nguyễn Việt Ngân Hà, sinh ngày 17/6/2011 và Nguyễn Việt Hoàng Nguyên, sinh ngày 28/01/2016.

Về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn: Theo chị D thì vợ chồng chị bắt đầu phát sinh mâu thuẫn từ tháng 01 năm 2019 đến nay, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, thường

xuyên xảy ra tranh cãi, anh T không quan tâm đến vợ con. Chị D nhận thấy không còn tình cảm yêu thương đối với anh T, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung giữa hai vợ chồng không còn duy trì vì vậy việc ly hôn là cần thiết cho cả hai vợ chồng. Vì vậy đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Việt T, về con chung chị D xin nhận nuôi hai con là Nguyễn Việt Ngân Hà, sinh ngày 17/6/2011 và Nguyễn Việt Hoàng Nguyên, sinh ngày 28/01/2016, về cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đối với bị đơn anh Nguyễn Việt T: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Đăk Mil đã tiến hành tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án; các giấy triệu tập và thông báo về phiên hòa giải đối với anh Nguyễn Việt T nhưng anh T đều vắng mặt không có lý do trong tất cả các lần triệu tập và hòa giải, xét xử tại Tòa án. Do anh T cố tình vắng mặt nên không có lời khai cũng như không cung cấp được cho Tòa án chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình và phản bác lại đối với yêu cầu của nguyên đơn. Vì vậy, theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự, anh T phải chịu hậu quả của việc không đưa ra được chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tham gia phiên toà phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn chị Đào Thị D đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Đào Thị D, chị D được ly hôn với anh Nguyễn Việt T. Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Việt Ngân H, sinh ngày 17/6/2011 và Nguyễn Việt Hoàng N, sinh ngày 28/01/2016 cho chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung: Không có tài sản chung, không nợ ai và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về thủ tục tố tụng:**

1.1 Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Đào Thị D yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn với anh Nguyễn Việt T, đây là tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

1.2 Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn (anh Nguyễn Việt T) có đăng ký hộ khẩu và hiện đang sinh sống tại số 15 L, Thôn 3, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông nên Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil thụ lý, giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

1.3 Về sự vắng mặt của các đương sự: Chị Đào Thị D có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh Nguyễn Việt T đã được Tòa án nhân dân huyện Đăk Mil được tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] **Về nội dung vụ án:**

2.1 ***Về quan hệ hôn nhân:*** Chị Đào Thị D và anh Nguyễn Việt T kết hôn với nhau vào năm 2010 và đăng ký kết hôn tại UBND xã Đắk Lao, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, lừa dối nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp.

2.2 ***Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng:*** Trong quá trình chung sống hai bên xảy ra nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, mâu thuẫn phát sinh nhưng cả hai không tìm ra được giải pháp khắc phục dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, chị D cũng thừa nhận không còn tình cảm với anh T, không muốn tiếp tục chung sống với anh T và muốn được ly hôn để ổn định cuộc sống. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị D và anh T là trầm trọng, không thể khắc phục, các bên không còn tình cảm yêu thương, quý trọng, không chăm sóc, không giúp đỡ nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ. Do đó, Hội đồng xét xử thấy cần căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đào Thị D.

2.3 ***Về nuôi con chung:*** Chị Đào Thị D có nguyện vọng được nuôi cháu cháu Nguyễn Việt Ngân Hà, sinh ngày 17/6/2011 và Nguyễn Việt Hoàng Nguyên, sinh ngày 28/01/2016 điều này thể hiện trách nhiệm của người làm mẹ đối với con. Tuy nhiên, việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét mọi mặt về quyền lợi của các con chưa thành niên.

Theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 *"Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; T hợp không thỏa thuận được thì thì Tòa án quyết định giao con cho một bên căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con"*.

Cháu Nguyễn Việt Ngân H, sinh ngày 17/6/2011 có nguyện vọng được ở cùng với mẹ, cháu Nguyễn Việt Hoàng N, sinh ngày 28/01/2016 vẫn đang còn nhỏ. Mặt khác trong quá trình giải quyết, anh T cũng không đến Tòa án để làm việc, không có văn bản thể hiện quan điểm, nguyện vọng của anh T đối với việc nuôi con sau ly hôn. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy cần giao

cháu Nguyễn Việt Ngân H, sinh ngày 17/6/2011 và Nguyễn Việt Hoàng N, sinh ngày 28/01/2016 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

2.4 ***Về cấp dưỡng nuôi con chung:*** Chị D không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

2.5 ***Về tài sản chung và nợ chung:*** Chị D không yêu cầu Toà án giải quyết nên không đặt ra để xem xét, giải quyết.

[3] ***Về án phí:*** Căn cứ Điều 144, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì chị Đào Thị D phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tại phiên toà là có căn cứ và phù hợp với các quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 51; Điều 56; Điều 58 và Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Đào Thị D.

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Chị Đào Thị D được ly hôn với anh Nguyễn Việt T. Giấy chứng nhận kết hôn số 38, ngày 31/7/2010 của Uỷ ban nhân dân xã Đắk Lao, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông không còn giá trị pháp lý và chị D, anh T chấm dứt quan hệ hôn nhân kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

1.2 Về con chung: Giao Nguyễn Việt Ngân H, sinh ngày 17/6/2011 và Nguyễn Việt Hoàng N, sinh ngày 28/01/2016 cho chị D nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi trưởng thành.

Việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình.

1.3 Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Vì lợi ích của con chung theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn; yêu cầu cấp dưỡng, thay đổi hoặc chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định các Điều 84; Điều 110 và Điều 118 Luật Hôn nhân gia đình.

1.4 Về tài sản chung và công nợ: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết

2. Về án phí: Chị Đào Thị D phải nộp 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003478 ngày 10/4/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo toàn bộ bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Đắk Nông;*
- *VKSND huyện Đắk Mil;*
- *Chi cục THADS huyện Đắk Mil;*
- *UBND xã Đắk Lao*
- *Các đương sự;*
- *Lưu HS.*

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

(đã ký)

Trần Đình Minh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN–CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**